

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ƯỚC CITES

(tái bản lần thứ 6, 2001)

Cơ quan xuất bản: BAN THƯ KÝ CÔNG ƯỚC CITES
Tác giả: Willem Wijnstekers
Biên dịch: Nguyễn Thị Minh Thu
Hiệu đính: Nguyễn Trí Mẫn (TRAFFIC Quốc tế tại Đông Dương) và
Hà Thị Tuyết Nga (Cục Kiểm Lâm - Bộ Nông nghiệp và Phát
triển Nông thôn)

Cuốn sách này được biên dịch với sự hỗ trợ tài chính của DANIDA (cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch) tại Hà Nội, Việt Nam.

HÀ NỘI 2003



TRAFFIC
INTERNATIONAL IN INDOCHINA



SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ƯỚC CITES

(tái bản lần thứ 6, 2001)

Cơ quan xuất bản: BAN THƯ KÝ CÔNG ƯỚC CITES
Tác giả: Willem Wijnstekers
Biên dịch: Nguyễn Thị Minh Thu
Hiệu đính: Nguyễn Trí Mẫn (TRAFFIC Quốc tế tại Đông Dương) và
Hà Thị Tuyết Nga (Cục Kiểm Lâm - Bộ Nông nghiệp và Phát
triển Nông thôn)

Cuốn sách này được biên dịch với sự hỗ trợ tài chính của DANIDA (cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch) tại Hà Nội, Việt Nam.

HÀ NỘI 2003

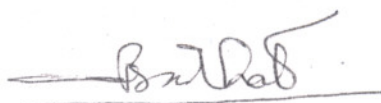


TRAFFIC
INTERNATIONAL IN INDOCHINA



MỤC LỤC

Tài liệu -----	Trang
Mục lục -----	1
Hướng dẫn sử dụng sách -----	2
Chương 2: Nguyên tắc cơ bản -----	3
Chương 4: Các loài thuộc phụ lục I và II -----	5
Chương 7: Buôn bán mẫu vật các loài thuộc Phụ lục I -----	33
Chương 8: Buôn bán mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II -----	44
Chương 9: Buôn bán mẫu vật các loài thuộc Phụ lục III -----	54
Chương 10: Vận chuyển mẫu vật sống -----	56
Chương 11: Giấy phép và giấy chứng chỉ -----	61
Chương 12: Đánh dấu mẫu vật -----	79
Chương 13: Các trường hợp miễn trừ và các quy định buôn bán đặc biệt -----	91
Chương 14: Gây nuôi sinh sản và trồng cấy nhân tạo -----	111
Chương 15: Các biện pháp kiểm tra, kiểm soát -----	129
Chương 16: Xử lý mẫu vật bị tịch thu -----	176
Chương 19: Buôn bán với các quốc gia không phải thành viên Công ước -----	211
Chương 22: Mối quan hệ giữa luật quốc gia và Công ước quốc tế -----	216
Chương 23: Quy định sửa đổi các Phụ lục CITES -----	221
Chương 27: Hệ thống hạn ngạch -----	231
Chương 29: Buôn bán thực vật -----	244



Hướng dẫn sử dụng sách

CÁC DÒNG ĐƯỢC VIẾT NHƯ SAU là tên chương

CÁC DÒNG ĐƯỢC VIẾT NHƯ SAU là đề mục nhỏ trong từng chương

Các dòng được viết như sau là nội dung trích dẫn từ Công ước

Các chữ được in đậm là các Nghị quyết Hội nghị các quốc gia thành viên Công đồng còn hiệu lực

Các chữ gạch chân là tên hoặc nội dung các nghị quyết không còn hiệu lực

Phần văn bản trong các hộp là lời bình của tác giả hoặc các chú thích thêm

Chương 2

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

1. Công ước CITES điều chỉnh các hoạt động buôn bán quốc tế mẫu vật các loài động, thực vật hoang dã như xuất khẩu, tái xuất khẩu và nhập khẩu các loài động, thực vật còn sống hay đã chết, các bộ phận và dẫn xuất của chúng bằng hệ thống giấy phép và giấy chứng chỉ. Giấy phép và giấy chứng chỉ có thể được cấp khi đáp ứng một số điều kiện nhất định và phải được trình cho các cấp có thẩm quyền trước khi nhập vào hay xuất ra khỏi một quốc gia.
2. Quốc gia thành viên phải thành lập Cấp thẩm quyền quản lý CITES để làm nhiệm vụ cấp giấy phép và giấy chứng chỉ. Cấp thẩm quyền khoa học CITES phải được thành lập để tư vấn về việc cấp giấy phép và giấy chứng chỉ cho Cấp thẩm quyền quản lý CITES.
3. Việc buôn bán các loài động, thực vật hoang dã được điều chỉnh ở các mức độ khác nhau và vì vậy các loài đó được đưa vào ba phụ lục thể hiện mức độ bảo vệ này:
 - Phụ lục 1 gồm những loài bị đe dọa tuyệt chủng nên việc buôn bán các loài thuộc phụ lục này được quy định đặc biệt nghiêm ngặt và chỉ được cấp phép trong những trường hợp đặc biệt.
 - Phụ lục 2 gồm những loài hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể bị đe dọa tuyệt chủng nếu việc buôn bán các loài này không được quản lý chặt chẽ. Phụ lục 2 còn bao gồm những loài gần giống như những loài được bảo vệ để quản lý những loài này hiệu quả hơn.
 - Phụ lục 3 bao gồm những loài được quản lý trong lãnh thổ thuộc chủ quyền của một nước thành viên và cần có sự hợp tác quốc tế của các nước thành viên khác để quản lý việc khai thác những loài này.
4. Điều kiện để cấp giấy phép và giấy chứng chỉ liên quan tới việc xem xét một số vấn đề như: liệu hoạt động buôn bán có ảnh hưởng nguy hại tới sự tồn tại của loài bị buôn bán không, việc đánh bắt mẫu vật đó có hợp pháp không, việc vận chuyển các loài đó có đảm bảo không, hoặc với các loài thuộc Phụ lục 1 thì người nhập khẩu có đủ điều kiện phù hợp để giữ và chăm sóc cho mẫu vật đó không. Cấm nhập khẩu mẫu vật các loài thuộc Phụ lục I nếu những mẫu vật đó được dùng vào “mục đích thương mại chủ yếu”.
5. Công ước cũng đề ra một số trường hợp miễn trừ có điều kiện. Việc miễn trừ chủ yếu liên quan tới việc quá cảnh và chuyển tải những mẫu vật được đánh bắt từ trước khi Công ước ra đời, những mẫu vật thuộc tài sản cá nhân hoặc gia đình, các mẫu vật được gây nuôi sinh sản hoặc trồng cây nhân tạo, những mẫu vật được trao đổi vì mục đích khoa học hay những mẫu vật đưa đi triển lãm.

6. Theo dõi, giám sát các hoạt động buôn bán là một công cụ quan trọng để đạt được mục tiêu của Công ước. Cấp thẩm quyền khoa học CITES có trách nhiệm theo dõi việc cấp giấy phép xuất khẩu các loài thuộc Phụ lục 2 và số lượng thực xuất các loài này để tư vấn cho Cấp thẩm quyền quản lý CITES những biện pháp cần thiết để hạn chế cấp phép xuất khẩu khi Cấp thẩm quyền khoa học CITES xác định rằng “việc xuất khẩu các loài đó cần được hạn chế để đảm bảo số lượng loài đó ở mức độ đảm bảo được vai trò của chúng trong những hệ sinh thái mà chúng đang tồn tại cũng như tránh cho chúng không bị đưa vào Phụ lục I”.
7. Hệ thống theo dõi giám sát thứ 2 là những thông tin do Cấp thẩm quyền quản lý CITES của các quốc gia thành viên lưu giữ và báo cáo hàng năm về Ban thư ký CITES. Sau khi được tập hợp và phân tích, báo cáo năm của các quốc gia thành viên CITES sẽ cho thấy mức độ buôn bán các loài thuộc các phụ lục CITES trên toàn thế giới. Đây là những thông tin vô cùng quý báu để đánh giá mức độ bảo tồn các loài.

Báo cáo này cũng phản ánh tình hình thực thi Công ước khi so sánh thông số về xuất khẩu và tái xuất khẩu với thông số nhập khẩu.

8. Đáng tiếc là một số quốc gia trên thế giới không phải là thành viên Công ước tuy nhiên điều này là không thể tránh khỏi. Công ước cố gắng giải quyết vấn đề này bằng cách quy định các quốc gia thành viên có trách nhiệm đòi hỏi các đối tác thương mại là các quốc gia không phải thành viên Công ước cung cấp các loại giấy tờ phù hợp với các quy định của Công ước về giấy phép và giấy chứng chỉ.
9. Công ước quy định Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước và Ban thư ký Công ước là những chủ thể giữ vai trò chủ đạo trong việc thực thi Công ước. Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước thành lập một số Ủy ban thực thi những nhiệm vụ quan trọng trong thời gian 02 năm giữa hai kỳ Hội nghị. Đó là Ủy ban Thường trực, Ủy ban Động vật, Ủy ban Thực vật và Ủy ban Thuật ngữ.
10. Những quy định còn lại của Công ước quy định việc bổ sung Công ước và các phụ lục, các hoạt động hành pháp của các quốc gia thành viên, ảnh hưởng của Công ước tới luật quốc gia và các Công ước quốc tế khác. Ngoài ra còn có các Nghị quyết liên quan tới việc giải quyết các bất đồng, việc tham gia và phê chuẩn Công ước, việc khiếu nại, tố cáo và quyền bảo lưu.

Chương 04

CÁC LOÀI THUỘC PHỤ LỤC I VÀ II

Điều II của Công ước đề ra những nguyên tắc cơ bản về việc đưa các loài vào Phụ lục I và Phụ lục II như sau:

1. *Phụ lục 1 bao gồm những loài bị đe dọa tuyệt chủng và có thể đã hoặc chưa bị ảnh hưởng bởi các hoạt động buôn bán.*

Việc buôn bán mẫu vật của các loài này được quản lý nghiêm ngặt để sự tồn tại của chúng trong thiên nhiên không bị đe dọa hơn nữa. Việc buôn bán chỉ được cho phép trong những trường hợp đặc biệt.

2. *Phụ lục 2 bao gồm:*

(a) *Tất cả những loài mặc dù hiện tại chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể bị đe dọa tuyệt chủng trừ khi việc buôn bán mẫu vật của chúng được quản lý chặt chẽ để tránh việc sử dụng quá mức những loài này gây ảnh hưởng nguy hại tới sự tồn tại của chúng; và*

(b) *Những loài khác mà việc quản lý chúng giúp cho việc quản lý buôn bán những loài được quy định trong mục (a), khoản 2 điều này được thực hiện một cách hiệu quả.*

BỔ SUNG, CHUYỂN HẠNG HAY ĐƯA RA KHỎI PHỤ LỤC I VÀ II

Nghị quyết 9.24 bao gồm những tiêu chí quyết định việc bổ sung các loài vào Phụ I và Phụ lục II và bãi bỏ 12 nghị quyết khác về việc bổ sung hoặc đưa các loài ra khỏi hai phụ lục nói trên. **Chương 05** sẽ tổng quát quá trình xây dựng những tiêu chí này.

Hội nghị lần thứ 12 các quốc gia thành viên Công ước sẽ thảo luận kết quả xem xét lại những tiêu chí này.

Nghị quyết 9.24 cũng nêu rõ rằng việc xem xét lại các tiêu chí của Hội nghị Bern sẽ được tham vấn với các quốc gia thành viên Công ước và sẽ dựa vào những đánh giá kỹ thuật của các chuyên gia thuộc tổ chức IUCN và các chuyên gia khác. Các khía cạnh của hoạt động xem xét lại đã được thảo luận tại buổi họp chung giữa Ủy ban Động vật, Ủy ban Thực vật và Ủy ban Thường trực tổ chức tại Brussels, tháng 09 năm 1993.

Nghị quyết cũng nhắc lại rằng việc buôn bán tất cả các loài động, thực vật đều nằm trong phạm vi quyền hạn của Công ước.

MỨC ĐỘ BUÔN BÁN VÀ CÁC TIÊU CHÍ SINH HỌC VẪN LÀ CƠ SỞ CỦA CÁC PHỤ LỤC

Nghị quyết 9.24 thừa nhận rằng việc đánh giá một loài để bổ sung vào Phụ lục I phải đáp ứng những tiêu chí về mức độ buôn bán và tình trạng sinh học, và rằng để thực thi một cách chính xác mục (a), khoản 2, điều II Công ước, các tiêu chí được thông qua phải tính đến các yếu tố buôn bán và sinh học

CÁC LOÀI CÓ QUAN HỆ HỌ HÀNG GẦN GŨI VÀ NGHỊ QUYẾT 9.24

Nghị quyết 9.24 nhắc lại rằng mục (b), khoản 2, điều II Công ước quy định việc bổ sung một số loài vào Phụ lục II để việc quản lý hoạt động buôn bán các loài khác thuộc Phụ lục II được thực thi một cách có hiệu quả. Tuy vậy, Nghị quyết 9.24 cho rằng quy định này cũng cần được áp dụng đối với các loài thuộc Phụ lục I khi cần thiết.

Việc bổ sung những loài có qua hệ họ hàng gần gũi vào Phụ lục I không được quy định và thực tế là mục (b), khoản 2, điều 2 của Công ước chỉ nhằm vào việc bổ sung vào Phụ lục II những loài có quan hệ họ hàng gần gũi với các loài được quy định ở Phụ lục này. Tuy nhiên, Nghị quyết 1.1 có đề ra việc bổ sung vào Phụ lục II những loài có quan hệ họ hàng gần gũi với các loài được quy định ở Phụ lục I và Nghị quyết 9.24 chỉ phù hợp khi tiếp tục phương án này. Mục (b), khoản 2, điều II Công ước chỉ nhằm vào “các loài nhất định” được quy định trong khoản 1 và mục (a), khoản 2 của điều II.

THAM VẤN VỚI CÁC NƯỚC CÓ PHÂN BỐ VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN CHÍNH PHỦ

Nghị quyết 9.24 thừa nhận rằng đề xuất đưa một loài vào các phụ lục CITES phải được tham vấn với các nước có loài đó phân bố theo quy định được thông qua tại Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước (ví dụ như quy định của Nghị quyết 8.21 dưới đây) và rằng các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan tới loài đó cũng cần được tham vấn. Trong bối cảnh đó, nghị quyết đã nhấn mạnh vai trò của một số tổ chức liên chính phủ liên quan tới việc quản lý các loài thủy sản.

Nghị quyết này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của Nghị quyết 3.4 về yêu cầu trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển trong các vấn đề liên quan tới Công ước.

Nghị quyết 8.21 của Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước nhấn mạnh rằng các quy định của Công ước không đòi hỏi các đề xuất phải được các nước có loài đó phân bố ủng hộ trước khi trình đề xuất nhưng cũng thừa nhận rằng dù đã được hỏi, nhiều nước phân bố vẫn không đóng góp ý kiến vào các đề xuất như đã quy định trong Nghị quyết 2.17. Nghị quyết 8.21 cũng thừa nhận đối với các loài có phân bố rộng thì quá trình tham vấn này diễn ra hết sức khó khăn. Nhận thức rằng việc bổ sung một loài vào Phụ lục I hoặc II có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của các nước có loài đó phân bố, rằng việc thực thi thành công các điều ước quốc tế phải dựa vào sự hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, và rằng có thể cần có thêm thời gian để tham vấn với các nước có các loài phân bố, Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước đã kiến nghị rằng bất cứ đề xuất nào bổ sung một loài vào Phụ lục I và II phải được tham vấn với các nước có loài đó phân bố.

Cụm từ “bất cứ đề xuất nào” được hiểu rằng việc tham vấn với các nước có loài phân bố phải được áp dụng cho cả trường hợp đề xuất đưa một hay nhiều quần thể của một loài vào trong các phụ lục I và II.

Một trong hai quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- Khi quốc gia đề xuất dự định tham vấn với các nước có loài phân bố, quốc gia đó sẽ:
 - i) Thông báo với Cấp thẩm quyền quản lý CITES của các nước có loài đó phân bố về dự định đề xuất của mình;
 - ii) Tham vấn với Cấp thẩm quyền quản lý CITES và Cấp thẩm quyền khoa học CITES của các nước đó về nội dung đề xuất; và
 - iii) Tổng hợp ý kiến của các Cấp thẩm quyền đó vào Chương 6 của đề xuất theo quy định của Nghị quyết 2.17 (nay là **Nghị quyết 9.24**); Trong trường hợp không có phản hồi của các nước có loài phân bố trong một khoảng thời gian hợp lý, nước đề xuất có thể chỉ cần ghi lại những cố gắng đã được thực hiện để tham vấn với các quốc gia đó.

- Khi việc tham vấn trước với các nước có loài phân bố không được thực hiện thì:
 - i) Nước đề xuất phải trình đề xuất của mình 330 ngày trước ngày họp của Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước tiếp theo;
 - ii) Ban thư ký CITES sẽ phân phát đề xuất đó tới các quốc gia thành viên càng sớm càng tốt; và
 - iii) Các nước quan tâm tới đề xuất đó có thể gửi ý kiến của mình cho nước đề xuất để họ có thể chỉnh sửa đề xuất của mình và trình bản sửa đổi ít nhất 150 ngày trước Hội nghị các quốc gia thành viên tiếp theo. Bản sửa đổi phải bao gồm ý kiến nhận được phù hợp với quy định của Nghị quyết 2.17 (nay là **Nghị quyết 9.24**) và được chia thành hai nhóm: nước có phân bố và nước không có phân bố.

NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24

Nghị quyết 9.24 thừa nhận rằng để thận trọng thì trong trường hợp thông tin không rõ ràng, các quốc gia thành viên phải hành động theo nguyên tắc nhằm bảo tồn một loài khi xem xét việc bổ sung loài đó vào các Phụ lục I và II. Khuyến nghị này chỉ ra rằng khi xem xét việc bổ sung một loài vào Phụ lục I và II, các quốc gia thành viên cần phải áp dụng nguyên tắc thận trọng để những yếu tố khoa học còn chưa chắc chắn sẽ không phải là lý do để từ chối hành động vì công cuộc bảo tồn loài đó.

Nguyên tắc thận trọng đã được đưa vào tiêu chí của Hội nghị Bern (xem **Chương 5**). Nguyên tắc này cũng có trong Nguyên tắc 15 của Tuyên ngôn Môi trường và Phát triển Rio, tháng 6 năm 1992.

Tiêu chí lên danh mục

Nghị quyết 9.24 dựa vào những lý do đã nêu ở trên để quy định rằng khi xem xét đề xuất bổ sung một loài vào Phụ lục I và II, thì những quy định sau sẽ được áp dụng:

- a) Một loài đang bị hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động buôn bán phải được đưa vào Phụ lục I nếu đáp ứng ít nhất một tiêu chí sinh học được quy định trong Phụ trương 1;
- b) Một loài được coi là “đang bị hay có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động buôn bán” nếu:
 - i) Được biết loài đó có bị buôn bán; hoặc
 - ii) Loài đó có thể bị buôn bán nhưng chưa có bằng chứng kết luận; hoặc
 - iii) Có thể có nhu cầu của thị trường quốc tế về loài đó; hoặc
 - iv) Loài đó có thể bị buôn bán nếu như không bị cấm (có tên trong Phụ lục I).
- c) Loài nào đáp ứng các tiêu chí về việc bổ sung một loài vào Phụ lục II, được quy định tại Phụ chương 2a thì phải được đưa vào Phụ lục II theo các quy định mục (a), khoản 2, điều II Công ước;
- d) Một loài cần được đưa vào Phụ lục II theo quy định của mục (b), khoản 2, điều II Công ước nếu loài đó đáp ứng các tiêu chí quy định tại Phụ chương 2b;
- e) Một loài cần được đồng thời đưa vào hai, ba phụ lục và các đơn vị phân loại sinh học cao hơn cần được đưa vào các Phụ lục nếu như loài đó hoặc các đơn vị phân loại sinh học cao hơn đó thoả mãn những tiêu chí tương ứng quy định trong Phụ chương 3;
- f) Không đưa vào các Phụ lục những loài mà tất cả mẫu vật bị buôn bán của chúng đều có nguồn gốc gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo, trừ khi có bằng chứng chắc chắn về những hoạt động buôn bán liên quan tới những mẫu vật có nguồn gốc hoang dã;
- g) Những loài thuộc Phụ lục I sẽ bị chuyển sang Phụ lục II nếu có những số liệu đủ tin cậy chứng minh chúng không còn thoả mãn các tiêu chí quy định trong Phụ chương 1 nhưng điều này phải được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng quy định tại Phụ chương 4;
- h) Việc chuyển các loài đã được đưa vào Phụ lục II theo quy định của mục (a), khoản 2, điều II Công ước ra khỏi Phụ lục II do chúng không còn thoả mãn các tiêu chí quy định ở Phụ chương 2a phải được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng phù hợp với các quy định trong Phụ chương 4. Và việc chuyển các loài đã có tên trong Phụ lục II theo các quy định của mục (b), khoản 2, điều II Công ước ra khỏi Phụ lục II do chúng giống với các

loài được đưa ra khỏi Phụ lục II (theo quy định tại điểm này) phải được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng phù hợp; và

- i) Quan điểm của các tổ chức liên chính phủ có thẩm quyền quản lý một loài nào đó cần được xem xét.

Trong đoạn cuối cùng, **Nghị quyết 9.24** quy định:

- Đề xuất bổ sung Phụ lục I và II phải dựa vào những thông tin chính xác nhất có thể thu thập được và phải được trình bày theo mẫu quy định ở Phụ chương 6, trừ khi có lý do chính đáng để làm khác đi;

- Để giám sát hiệu quả việc bảo vệ các loài theo quy định của Công ước, quy chế bảo vệ của các loài thuộc Phụ lục I và II cần được nước đề xuất và các nước có loài phân bố hợp tác với Ủy ban Động vật và Ủy ban Thực vật xem xét lại thường xuyên khi có ngân sách.

Nghị quyết này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên, các tổ chức hợp tác phát triển cung cấp trợ giúp tài chính và kỹ thuật cần thiết cho việc chuẩn bị đề xuất bổ sung các loài vào các phụ lục CITES, vào việc phát triển các chương trình quản lý và việc xem xét hiệu quả của quy chế bảo vệ khi đưa các loài vào các phụ lục. Các quốc gia thành viên được quyền tự do sử dụng các cơ chế quốc tế và những phương pháp khác vì những mục đích nói trên và mục đích bảo tồn đa dạng sinh học.

Cuối cùng, Nghị quyết khuyến nghị rằng nội dung và các Phụ chương của Nghị quyết này, bao gồm nội dung khoa học của các tiêu chí, các định nghĩa, ghi nhớ và hướng dẫn, được xem xét lại toàn bộ trước Hội nghị lần thứ 12 các quốc gia thành viên Công ước.

Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước đã thông qua các Phụ chương sau của **Nghị quyết 9.24**:

Phụ chương 1: Tiêu chí sinh học của Phụ lục I

Phụ chương 2a: Tiêu chí cho việc bổ sung các loài vào Phụ lục II theo quy định tại mục (a), khoản 2, điều II Công ước.

Phụ chương 2b: Tiêu chí cho việc bổ sung các loài vào Phụ lục II theo quy định tại mục (b), khoản 2, điều II Công ước.

Phụ chương 3: Trường hợp đặc biệt

Phụ chương 4: Nguyên tắc thận trọng

Phụ chương 5: Định nghĩa, ghi nhớ và hướng dẫn

Phụ chương 6: Mẫu đề xuất bổ sung một loài vào các phụ lục

Phụ chương 1 của Nghị quyết 9.24: Tiêu chí sinh học của Phụ lục I

Các tiêu chí sau đây cần được hiểu theo các định nghĩa, ghi nhớ và hướng dẫn quy định tại Phụ chương 5.

Một loài được coi là bị đe dọa tuyệt chủng nếu chúng đáp ứng, hoặc có thể đáp ứng, ít nhất một trong những tiêu chí sau đây:

A. Quần thể tự nhiên nhỏ và được xác định bằng ít nhất một trong những quy định sau:

- i) Số lượng cá thể, hoặc diện tích hay chất lượng sinh cảnh bị giảm sút rõ rệt; hoặc
- ii) Các quần thể nhỏ lẻ, tách biệt; hoặc
- iii) Trong suốt vòng đời của mình, phần lớn các cá thể chỉ tập trung trong một quần thể nhỏ; hoặc
- iv) Thay đổi lớn về số lượng cá thể trong thời gian ngắn; hoặc
- v) Dễ bị tổn thương do bản tính sinh học hay tập tính (kể cả tập tính di cư) của loài đó.

B. Quần thể tự nhiên chỉ phân bố trong một khu vực nhất định và được xác định bằng ít nhất một trong các quy định sau:

- i) Chỉ phân bố lẻ tẻ hoặc xuất hiện ở rất ít nơi; hoặc
- ii) Số lượng các chủng quần hoặc phân bố thay đổi lớn;
- iii) Dễ bị tổn thương do bản tính sinh học hay tập tính (kể cả tập tính di cư); hoặc
- iv) Suy giảm rõ rệt về một trong số các chỉ số sau đây:
 - Diện tích phân bố
 - Số lượng các quần thể
 - Số lượng cá thể
 - Diện tích hay chất lượng sinh cảnh
 - Khả năng sinh sản

C. Sự giảm sút về các cá thể trong tự nhiên mà:

- i) Sự giảm sút đó đang diễn ra hoặc đã diễn ra trong quá khứ và có thể xảy ra trong hiện tại;

ii) Sự giảm sút đó là kết quả của:

- Giảm chất lượng hay diện tích sinh cảnh;
- Mức độ khai thác loài đó;
- Những mối đe dọa dẫn đến tuyệt chủng như dịch bệnh, cạnh tranh, vật ký sinh, giao phối cận huyết, các loài khác hoặc chất độc, ô nhiễm;
- Suy giảm khả năng sinh sản.

D. Một loài sẽ chưa được đưa vào Phụ lục I nếu chỉ thoả mãn một hay một số tiêu chí nêu trên trong khoảng thời gian 05 năm.

PHỤ CHƯƠNG 2A CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24: TIÊU CHÍ BỔ SUNG CÁC LOÀI VÀO PHỤ LỤC II THEO QUY ĐỊNH Ở MỤC (A), KHOẢN 2, ĐIỀU II CÔNG ƯỚC

Các tiêu chí sau đây cần được hiểu theo các định nghĩa, ghi nhớ và hướng dẫn quy định tại Phụ chương 5.

Một loài cần được bổ sung vào Phụ lục II khi thoả mãn một trong số các tiêu chí sau đây:

- Hoạt động buôn bán loài đó phải được kiểm soát chặt chẽ nếu không loài đó sẽ thoả mãn một trong các tiêu chí để đưa vào Phụ lục I;
- Việc săn bắn và khai thác loài đó từ tự nhiên đã, hoặc có thể có, ảnh hưởng tiêu cực đến loài đó khi (i) hoạt động khai thác diễn ra trong một thời gian dài và sẽ tiếp tục trong tương lai; (ii) hoạt động khai thác đã làm giảm quần thể của loài đó tới mức sự tồn tại của chúng có thể bị các yếu tố khác đe dọa.

PHỤ CHƯƠNG 2(b) CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24: TIÊU CHÍ BỔ SUNG MỘT LOÀI VÀO PHỤ LỤC II THEO QUY ĐỊNH CỦA MỤC (b), KHOẢN 2, ĐIỀU II CÔNG ƯỚC

Một loài cần được bổ sung vào Phụ lục II theo quy định ở mục (b), khoản 2, điều II Công ước khi thoả mãn một trong số các tiêu chí sau:

A. Mẫu vật của loài đó giống mẫu vật của một loài khác đã được đưa vào Phụ lục II theo các quy định ở mục (a), khoản 2, điều II Công ước hay mẫu vật của một loài thuộc Phụ lục I tới mức một người bình thường dù đã cố gắng cũng không phân biệt được chúng với nhau.

B. Loài đó thuộc một đơn vị phân loại sinh học (bộ, họ, ... v.v) mà hầu hết các loài trong đơn vị đó đã được đưa vào Phụ lục II theo các quy định ở mục (a), khoản 2, điều II Công ước hoặc Phụ lục I, do vậy các loài còn lại của đơn vị phân loại đó cũng cần được đưa vào Phụ lục II để hoạt động buôn bán các loài khác đã có tên trong các phụ lục được quản lý một cách hiệu quả.

PHỤ CHƯƠNG 3 CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

ĐƯA VÀO NHIỀU PHỤ LỤC:

Nói chung, cần tránh đưa một loài vào nhiều phụ lục để đỡ gây khó khăn cho công tác thực thi Công ước. Khi cần phải đưa một loài vào hai hoặc ba phụ lục thì việc này phải dựa trên các quần thể của một quốc gia hay một lục địa. Không được đưa một số quần thể của một loài vào các phụ lục trong khi một số quần thể khác của loài đó lại nằm ngoài các phụ lục.

Đối với các loài phân bố ở những khu vực không thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào (ví dụ vùng biển quốc tế), khi đưa loài đó vào các phụ lục phải sử dụng những điều khoản được sử dụng trong các điều ước quốc tế phù hợp khác để xác định quần thể của chúng. Trong trường hợp không có hoặc không thể áp dụng được các điều ước quốc tế phù hợp thì quần thể của loài được đưa vào các phụ lục sẽ được xác định bằng khu vực hay tọa độ địa lý.

Tên của các đơn vị phân loại sinh học dưới loài không được sử dụng trong các phụ lục trừ khi đơn vị phân loại được xem xét đó quá đặc biệt và việc sử dụng tên của các cấp độ phân loại dưới loài không gây khó khăn cho việc thực thi Công ước.

ĐƠN VỊ PHÂN LOẠI SINH HỌC CAO HƠN

Nếu tất cả các loài của một đơn vị phân loại sinh học cao hơn loài được đưa vào Phụ lục I hoặc II, chúng phải được xác định dưới tên của đơn vị đó. Nếu một số loài của đơn vị phân loại sinh học cao hơn được đưa vào Phụ lục I hoặc II và các loài còn lại nằm trong các phụ lục khác, các loài đó phải được ghi bằng tên của đơn vị phân loại sinh học cao hơn với phân giải thích phù hợp.

Đơn vị phân loại sinh học cao hơn đối với các loài thực vật còn phải tuân thủ các đề xuất sau của Nghị quyết 11.11 (trước đây là Nghị quyết 5.14):

a) Đơn vị phân loại sinh vật cao hơn của thực vật, kể cả họ Phong lan và Xương rồng, đang có trong các phụ lục phải được bảo đảm bởi nó có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát buôn bán nhiều loài đang hoặc có thể bị đe dọa thuộc đơn vị phân loại này;

b) Những nước chuẩn bị đề xuất đưa một loài thuộc một đơn vị phân loại sinh vật cao hơn có tên trong Phụ lục II lên thành một loài riêng trong Phụ lục I phải xem xét:

i) Liệu khi đưa vào Phụ lục I thì hiệu quả của việc tăng cường bảo vệ loài đó có hơn nguy cơ loài đó bị các chủ buôn chú ý;

ii) Liệu có gây khó khăn gì không cho hoạt động trồng cây nhân tạo;

iii) Số lượng mẫu vật hiện có do thu hoạch từ các hoạt động trồng cây nhân tạo;

iv) Những khó khăn trong việc xác định mẫu vật, đặc biệt là những dạng mẫu vật có thể gặp trong các hoạt động buôn bán.

PHỤ CHƯƠNG 4 CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24: NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG

A. Khi xem xét đề xuất bổ sung một loài vào các phụ lục mà có những yếu tố không rõ ràng về tình trạng của loài đó hay về mức độ ảnh hưởng của các hoạt động buôn bán với loài đó, các quốc gia thành viên cần ưu tiên hành động vì lợi ích bảo tồn loài đó.

B.1. Các loài đang nằm trong Phụ lục I sẽ không được đưa ra khỏi các phụ lục nếu chưa được chuyển sang Phụ lục II và hoạt động buôn bán loài đó được giám sát trong thời gian giữa ba kỳ hội nghị liên tiếp của các quốc gia thành viên Công ước.

B.2. Các loài đang có tên trong Phụ lục I chỉ được xem xét chuyển sang Phụ lục II khi chúng không còn thỏa mãn các tiêu chí phù hợp quy định tại Phụ chương 1. Ngay cả khi không còn thỏa mãn các tiêu chí phù hợp quy định tại Phụ chương 1, loài đó vẫn phải được giữ ở Phụ lục I, trừ khi chúng thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

a. Không có nhu cầu buôn bán quốc tế đối với loài đó; hoặc việc chuyển loài đó sang Phụ lục II không kích thích các hoạt động buôn bán hay gây khó khăn cho việc kiểm soát hoạt động buôn bán các loài khác có tên trong Phụ lục I;

b. Có thể có nhu cầu buôn bán loài đó nhưng việc quản lý chúng thỏa mãn yêu cầu của Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước về:

i) Việc thực thi quy định của Công ước, nhất là điều IV, của các nước có loài đó phân bố; và

ii) Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ và phù hợp với yêu cầu của Công ước;

c. Kèm theo bản đề xuất có một bản Hạn ngạch xuất khẩu loài đó được Hội nghị các quốc gia thành viên chấp thuận dựa trên các phương án quản lý được giải trình trong tài liệu kèm theo và việc kiểm soát buôn bán hiện tại phải có hiệu quả;

d. Kèm theo bản đề xuất có một bản Hạn ngạch xuất khẩu loài đó có thời hạn nhất định được Hội nghị các quốc gia thành viên chấp thuận dựa trên các phương án quản lý được giải trình trong tài liệu kèm theo và việc kiểm soát buôn bán hiện tại phải có hiệu quả;

e. Có đề xuất nuôi sinh trưởng phù hợp với các Nghị quyết của Hội nghị các quốc gia thành viên còn hiệu lực và đề xuất nuôi sinh trưởng đó đã được thông qua.

B.3. Quốc gia giữ quyền bảo lưu về một loài nhất định thì không có quyền xem xét đề xuất chuyển hạng loài đó (kể cả khi có Hạn ngạch xuất khẩu) trừ khi quốc gia đó đồng ý bãi bỏ bảo lưu của mình trong vòng 90 ngày kể từ khi đề xuất đó được thông qua.

B.4. Các loài không được đưa ra khỏi Phụ lục II nếu việc đưa ra đó có thể làm cho loài đó bị đưa lại vào các phụ lục CITES trong một tương lai gần.

C. Quy định sau được áp dụng với các loài được chuyển sang Phụ lục II theo các quy định trong khoản B.2.c. và B.2.d:

1 - Nếu Ủy ban Thực vật, Ủy ban Động vật hay một quốc gia thành viên biết được những vấn đề liên quan tới các biện pháp quản lý và hạn ngạch của một quốc gia thành viên khác, họ phải thông báo với Ban thư ký CITES; Nếu Ban thư ký CITES không thể giải quyết được vấn đề trên, họ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban Thường trực. Sau khi đã tham vấn với quốc gia thành viên liên quan, Ủy ban Thường trực có thể yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên ngừng buôn bán mẫu vật các loài có tên trong các Phụ lục CITES với quốc gia thành viên đó và/hoặc yêu cầu chính phủ quốc gia đó chuẩn bị đề xuất đưa loài đó trở lại Phụ lục I.

2 - Nếu trong khi xem xét hạn ngạch và các phương pháp quản lý hạn ngạch, Ủy ban Động vật hoặc Ủy ban Thực vật phát hiện những vấn đề có thể gây hại cho loài đó, thì các Ủy ban có quyền yêu cầu chính phủ các nước đó chuẩn bị đề xuất những phương án xử lý thích hợp.

D. Nếu một quốc gia thành viên đề xuất gia hạn, bổ sung hoặc chấm dứt hạn ngạch theo quy định ở khoản B.2.d trên đây, đề xuất sẽ được xem xét tại Hội nghị lần sau của các quốc gia thành viên Công ước. Nếu biết trước rằng sẽ không có những đề xuất như vậy, một quốc gia thành viên có thể đệ trình một đề xuất cho Hội nghị lần sau để áp dụng Hạn ngạch bằng không cho loài đó.

E. Những loài được coi là có thể đã bị tuyệt chủng sẽ không được đưa ra khỏi Phụ lục I nếu chúng có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động buôn bán khi tái phát hiện được các quần thể của chúng. Trong các phụ lục, những loài này sẽ được chú thích là "p.e" (có nghĩa là "có thể đã tuyệt chủng").

Nghị quyết 2.21 nhấn mạnh rằng các Phụ lục không bao gồm những loài đã bị tuyệt chủng và những loài đó không được đưa vào các phụ lục CITES. Nghị quyết này đề xuất rằng các loài đã bị tuyệt chủng sẽ không được đưa ra khỏi các phụ lục và rằng một loài không được thấy trong vòng 50 năm dù đã có nhiều cuộc điều tra, khảo sát sẽ được chú thích là "có thể đã tuyệt chủng". Xem định nghĩa "có thể đã tuyệt chủng" ở Phụ chương 5 của Nghị quyết 9.24 dưới đây.

PHỤ CHƯƠNG 5 CỦA NGHỊ QUYẾT 9.24: ĐỊNH NGHĨA, CHÚ GIẢI VÀ HƯỚNG DẪN

Khu vực phân bố

Khu vực phân bố của một loài được hiểu là khu vực bao gồm ranh giới ảo liên tục, ngắn nhất bao quanh một khu vực có một loài sinh sống, trừ trường hợp loài di cư (việc xác định ranh giới ảo phải được tiến hành một cách cẩn thận, với nguyên tắc thận trọng). Khu vực nằm trong ranh giới ảo không bao gồm những khu vực không có loài đó sinh sống, và

khi xác định khu vực phân bố của một loài phải chú ý tới không gian phân bố tách rời của loài đó. Đối với các loài di cư, khu vực phân bố là khu vực nhỏ nhất cần thiết cho một giai đoạn sống để loài đó tồn tại (ví dụ như khu vực đẻ trứng, khu vực kiếm ăn). Với một số loài đang bị buôn bán mà có đủ số liệu để ước tính thì 10.000 km² là con số hướng dẫn phù hợp về khu vực phân bố tối thiểu. Tuy nhiên con số này chỉ là một ví dụ do không thể có con số hợp lý về khu vực phân bố cho tất cả đơn vị phân loại sinh học. Có nhiều trường hợp con số hướng dẫn trên không thể áp dụng được.

Sự suy giảm

Sự suy giảm được hiểu là sự giảm sút về số lượng cá thể hay các khu vực phân bố mà lý do của sự suy giảm không được phát hiện hay không được quản lý một cách phù hợp. Những yếu tố này không nhất thiết phải liên tục. Dao động tự nhiên thường không được coi là “suy giảm”. Việc giảm sút về số lượng cá thể của một loài do các chương trình săn bắt, khai thác nhằm làm giảm số lượng cá thể của loài đó tới một mức độ xác định trước mà không gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho sự tồn tại của loài đó cũng không được coi là “sự suy giảm”. Đối với một số loài đang bị buôn bán, giảm sút số lượng cá thể khoảng 50% hoặc hơn nữa trong 05 năm liên tục hoặc hai thế hệ liên tiếp (tùy theo thời gian nào lâu hơn) là hướng dẫn phù hợp cho định nghĩa về “sự suy giảm”. Hướng dẫn phù hợp về “sự suy giảm” đối với các quần thể hoang dã nhỏ có thể là 20% hoặc hơn trong khoảng thời gian 10 năm hoặc 03 thế hệ liên tiếp (tùy theo thời gian nào lâu hơn). Tuy vậy, những con số trên cũng chỉ là ví dụ vì không thể áp dụng các giá trị bằng số đối với tất cả các đơn vị phân loại sinh học. Sẽ có nhiều trường hợp những con số hướng dẫn trên không thể áp dụng được.

Giai đoạn mở rộng

Nghĩa của thuật ngữ “giai đoạn mở rộng” sẽ được hiểu khác nhau tùy theo đặc tính sinh học của từng loài. Việc lựa chọn giai đoạn này phụ thuộc vào những ví dụ được nhận biết về dao động tự nhiên về số lượng của một loài và vào việc liệu số lượng mẫu vật bị đánh bắt từ tự nhiên có phù hợp với các chương trình khai thác bền vững được xác định thông qua các dao động tự nhiên này.

Phân bố riêng lẻ

Phân bố riêng lẻ là trường hợp phần lớn các cá thể trong một đơn vị phân loại sinh học được tìm thấy trong các tiểu quần thể sinh sống tách biệt nên làm tăng khả năng loài này bị tuyệt chủng và giảm thiểu khả năng tự phục hồi của chúng. Đối với một số loài đang bị buôn bán khi số liệu cho phép ước tính thì nếu các tiểu quần thể sống cách nhau khoảng 500 km² hoặc hơn thì được coi là phân bố riêng lẻ. Tuy nhiên con số này chỉ là ví dụ bởi không thể có những đơn vị cụ thể áp dụng cho tất cả các đơn vị phân loại sinh vật. Sẽ có nhiều trường hợp những con số hướng dẫn trên không thể áp dụng được.

Thế hệ